

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/KDTM-PT  
Ngày: 24-11-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Thái

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Quân

Bà Lê Thị Thanh Thái

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Xuân Vi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLPT-KDTM ngày 30 tháng 12 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần đầu tư Khoáng sản – Than ĐB

Địa chỉ: Số ... đường Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện hợp pháp:** Bà Bạch Phạm Đăng H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số ... Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 01/UQ-KSTĐB ngày 08/01/2021 và Thông báo ngày 08/11/2021).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:** Ông Nguyễn Hồng T – Luật sư Công ty Luật VP; Địa chỉ: Số ... Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Công ty Cổ phần In và Bao bì PN

Địa chỉ: Lô ..., khu công nghiệp Phan Thiết mở rộng, xã Phong Nẫm, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.



*Người đại diện hợp pháp:* Ông Trần Hữu T, sinh năm 1958; Địa chỉ: Địa chỉ: Lô..., khu công nghiệp Phan Thiết mở rộng, xã Phong Nẫm, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2019).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị Tường V, sinh năm 1991

Địa chỉ công ty: Lô ..., khu công nghiệp Phan Thiết mở rộng, xã Phong Nẫm thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ thường trú: C... khu dân cư KB, phường XA, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

2. Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm B, thôn B, xã HĐ, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

3. Ông Huỳnh H, sinh năm 1963

Địa chỉ công ty: Lô ..., khu công nghiệp Phan Thiết mở rộng, xã Phong Nẫm thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ thường trú: xã XH, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Ông Đỗ Thanh Q, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn XP, xã PN, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

*- Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty Cổ phần đầu tư Khoáng sản – Than ĐB.

Những người tham gia tố tụng có mặt bà Bạch Phạm Đăng H, ông Trần Hữu T, Luật sư Nguyễn Hồng T; vắng mặt tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong đó bà Phạm Thị Tường V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2019, nguyên đơn Công ty Cổ phần đầu tư Khoáng sản – Than ĐB (sau đây viết tắt là Công ty ĐB) và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 03/10/2017, Công ty ĐB và Công ty Cổ phần In và Bao bì PN (sau đây viết tắt là Công ty PN) ký kết hợp đồng kinh tế về việc mua bán than số 64/HĐBT 2017 và ngày 02/01/2018 hai Công ty tiếp tục ký kết Hợp đồng kinh tế về việc mua bán than số 24/HĐBT 2018. Theo nội dung hai hợp đồng này thì Công ty ĐB (bên bán) bán than đá nguồn gốc nhập khẩu từ Indonesia cho Công ty PN (bên mua), đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT là 1.100.000đồng/tấn; bên mua có nhu cầu vận chuyển: cước vận chuyển từ kho của bên bán đến nhà máy của bên mua là 300.000đ/tấn (đã bao gồm VAT); số lượng theo nhu cầu của bên



mua. Phương thức thanh toán là chuyển khoản; thời hạn thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn bán hàng. Theo hợp đồng số 64/HĐBT 2017, trường hợp bên mua thanh toán không đúng hạn, bên mua phải chịu lãi suất theo lãi suất quá hạn của Ngân hàng TMCP Vietinbank vào cùng thời điểm. Theo Hợp đồng số 24/HĐBT 2018, thời hạn thanh toán: cứ 15 ngày hai bên đối chiếu số lượng hàng giao, nhận và bên bán xuất hóa đơn GTGT, bên mua thanh toán dứt điểm. Trường hợp bên mua thanh toán quá hạn, bên mua phải trả cho bên bán tiền lãi chậm trả theo lãi suất quá hạn của Ngân hàng TMCP vào cùng thời điểm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng số 24/HĐBT 2018, vào ngày 31/12/2018 đại diện của Công ty ĐB và đại diện Công ty PN đã lập biên bản đối chiếu công nợ xác định đến ngày 31/12/2018 Công ty PN còn nợ Công ty ĐB số tiền 73.199.360 đồng. Căn cứ đơn đặt hàng số 18/ĐH/PN/2018 ngày 08/12/2018 của Công ty PN đặt hàng mua của Công ty ĐB 585 tấn than, thành tiền 701.415.000 đồng nhưng do trong năm 2018 Công ty than ĐB chưa giao đủ hàng cho Công ty PN nên trong tháng 01 và tháng 02/2019 Công ty ĐB tiếp tục xuất bán cho Công ty PN tổng cộng 589,540 tấn than, thành tiền 850.654.970 đồng, có giảm trừ 6.936.930 đồng, còn lại 843.718.040 đồng, gồm các hóa đơn giá trị gia tăng: Hóa đơn số 0004013 ngày 15/01/2019, số lượng 209,440 tấn, thành tiền 304.370.330 đồng; Hóa đơn số 0004084 ngày 31/01/2019, số lượng 271,480 tấn thành tiền 395.984.930 đồng; Hóa đơn số 0004166 ngày 28/02/2019, số lượng 108,620 tấn thành tiền 150.299.710 đồng; Giảm trừ theo hóa đơn số 0004537 ngày 30/6/2019, số tiền 6.936.930 đồng. Số than theo các hóa đơn này bị đơn đã nhận đủ theo các phiếu cân xe nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, trong các phiếu cân xe thể hiện rõ ngày giao nhận hàng, số xe, tên tài xế nhận hàng và số lượng than Công ty ĐB đã xuất bán cho Công ty PN.

Tính từ tháng 10 năm 2017 đến ngày 28 tháng 02 năm 2019, Công ty ĐB đã bán cho Công ty PN tổng cộng 1.592,802 tấn than đá và than cám, với tổng giá trị thành tiền là 2.350.858.180 đồng. Trong đó theo hợp đồng số 64/HĐBT 2017, Công ty ĐB đã bán cho Công ty PN tổng cộng 436,462 tấn than, với số tiền 659.057.620 đồng và theo hợp đồng số 24/HĐBT 2018, Công ty ĐB đã bán cho Công ty PN tổng cộng 1.156,340 tấn than, với số tiền 1.691.800.560 đồng.

Tính đến ngày 10/8/2019, Công ty PN đã thanh toán cho Công ty ĐB tổng số tiền nợ gốc là 1.433.940.780 đồng, Công ty PN còn nợ Công ty ĐB số tiền nợ gốc là 916.917.400 đồng. Theo đơn khởi kiện, Công ty ĐB yêu cầu Công ty PN phải thanh toán ngay toàn bộ số tiền nợ quá hạn và tiền lãi nợ quá hạn phát sinh từ các hợp đồng trên cho Công ty ĐB do Công ty PN vi phạm thời gian thanh toán với tổng số tiền: 1.043.715.774 đồng, bao gồm nợ gốc 916.917.400 đồng; nợ lãi tính đến ngày 10/8/2019 là 126.798.374 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng kinh tế số 64/HĐBT 2017 ngày 03/10/2017: nợ gốc là 0 đồng; nợ lãi tính tới ngày 21/6/2018 là 21.328.835 đồng.



- Hợp đồng kinh tế số 24/HĐBT 2018 ngày 02/01/2018: nợ gốc là 916.917.400 đồng; nợ lãi tính tới ngày 10/8/2019 là 105.469.539 đồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn đã thanh toán thêm cho nguyên đơn tổng cộng 146.438.103 đồng bao gồm thanh toán 17.827.092 đồng tiền lãi của Hợp đồng kinh tế số 64/HĐBT 2017 ngày 03/10/2017, nguyên đơn đã giảm lãi cho bị đơn; thanh toán 73.199.360 đồng tiền gốc và 55.411.651 đồng tiền lãi của các hóa đơn mua bán than phát sinh trong năm 2018 của Hợp đồng kinh tế số 24/HĐBT 2018 ngày 02/01/2018, nên ngày 12/02/2020 và ngày 20/8/2020 nguyên đơn đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi của hợp đồng kinh tế số 64/HĐBT 2017 ngày 03/10/2017; tiền gốc và tiền lãi của các hóa đơn mua bán than phát sinh trong năm 2018 của Hợp đồng kinh tế số 24/HĐBT 2018 ngày 02/01/2018.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu rút một phần đơn khởi kiện nêu trên và chỉ yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn lại của Hợp đồng mua bán than số 24/HĐBT 2018 ngày 02/01/2018 mà bị đơn chưa thanh toán, cụ thể là số tiền gốc và tiền lãi của 589,540 tấn than nguyên đơn đã bán cho bị đơn theo các hóa đơn giá trị gia tăng nguyên đơn đã xuất trong năm 2019 cho bị đơn, tổng cộng số tiền bị đơn phải thanh toán là 1.037.152.281 đồng, trong đó tiền gốc 843.718.040 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc tính từ ngày 15/02/2019 đến ngày 27/10/2020 là 193.434.241 đồng. Tiền lãi quá hạn được tính 13,65%/năm, theo lãi suất Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty PN do ông Trần Hữu T là người đại diện hợp pháp trình bày:*

Ngày 03/10/2017 và ngày 02/01/2018, Công ty PN và Công ty ĐB có ký kết lần lượt hai Hợp đồng kinh tế về mua bán than số 64/HĐBT 2017 và số 24/HĐBT 2018. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hàng tháng hai bên đều lập biên bản đối chiếu công nợ xác định khối lượng than đã mua bán và số tiền trị giá than để làm cơ sở cho việc thanh quyết toán giữa hai bên: Công ty ĐB xuất hóa đơn giá trị gia tăng và Công ty PN chuyển khoản trả tiền. Tính từ tháng 10/2017 đến ngày 31/12/2018, Công ty PN đã mua của Công ty ĐB 1.003,262 tấn than, với tổng số tiền 1.507.140.140 đồng; bao gồm năm 2017 mua 436,462 tấn than, với số tiền 659.057.620 đồng và năm 2018 mua 566,8 tấn than, với số tiền 848.082.520 đồng. Tính tới ngày 31/12/2018, Công ty PN đã thanh toán cho Công ty ĐB tổng cộng 1.433.940.780 đồng; bao gồm năm 2017 thanh toán 132.000.000 đồng, năm 2018 thanh toán 1.301.940.780 đồng. Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2018 giữa Công ty ĐB và Công ty PN xác nhận tính tới ngày 31/12/2018, Công ty PN còn nợ Công ty ĐB số tiền 73.199.360 đồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 12/02/2020 và ngày 24/02/2020, Công ty PN đã chuyển khoản trả cho Công ty ĐB với tổng số tiền 146.438.103 đồng, gồm: tiền lãi của hợp đồng số 64/HĐBT 2017 mà bị đơn chấp nhận thanh toán với số tiền 17.827.092 đồng và thanh toán số tiền còn nợ của hợp đồng số 24/HĐBT 2018 tính tới 24/02/2020 với số tiền 128.611.011 đồng, trong đó gồm



73.199.360 đồng tiền gốc và 55.411.651 đồng tiền lãi. Như vậy, tính tới ngày 24/02/2020, bị đơn đã trả dứt các khoản nợ cho Công ty DB. Đối với hợp đồng kinh tế số 24/HĐBT 2018 ngày 02/01/2018 đã hết hiệu lực kể từ ngày 31/12/2018 theo điểm 9 Điều 1 của Hợp đồng này. Đối với đơn đặt hàng số 18/ĐH/PN/2018 ngày 08/12/2018 của Công ty PN đặt mua của Công ty DB số lượng: 585 tấn than, thành tiền 701.415.000 đồng thì đến ngày 12/12/2018 Công ty PN đã làm ủy nhiệm chi thanh toán cho Công ty DB đủ số tiền 701.415.000 đồng tương ứng các đơn hàng trong năm 2018 và một số hàng sẽ lấy đến hết ngày 31/12/2018, đơn đặt hàng này cũng ghi rõ thời gian giao hàng chia thành nhiều đợt trong tháng 12/2018, như vậy đến ngày 31/12/2018 đơn đặt hàng này chấm dứt hiệu lực.

Kể từ cuối năm 2018, do than của Công ty DB bán cho Công ty PN không đảm bảo chất lượng nên lãnh đạo Công ty PN đã chỉ đạo việc ngừng mua than của Công ty DB kể từ năm 2019, do không có chứng cứ cụ thể về chất lượng than không đảm bảo nên Công ty PN không có yêu cầu phản tố về vấn đề này. Trong năm 2019, Công ty PN đã ngừng mua than của Công ty DB nên giữa hai Công ty không ký kết hợp đồng kinh tế về việc mua bán than, Công ty PN cũng không đặt hàng, không mua than, không nhận than của Công ty DB nên giữa hai Công ty không có biên bản đối chiếu và chốt sản lượng trước khi xuất hóa đơn và cũng không có biên bản đối chiếu công nợ. Từ cơ sở đó, đối với 589,540 tấn than Công ty DB cho rằng đã xuất bán cho Công ty PN trong năm 2019 theo các hóa đơn giá trị gia tăng phát sinh năm 2019 thì bị đơn không đồng ý thanh toán, cụ thể bị đơn không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền là 1.037.152.281 đồng, bao gồm tiền gốc 843.718.040 đồng và tiền lãi 193.434.241 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn. Nếu nguyên đơn làm rõ ai là người đã đặt mua than và đã nhận than của Công ty DB trong năm 2019 thì người đó chịu trách nhiệm thanh toán với Công ty DB, Công ty PN không chịu trách nhiệm. Bị đơn đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*1. Bà Phạm Thị Tường V trình bày:*

Bà là nhân viên điều phối hàng hóa của Công ty PN từ năm 2014 đến nay. Bà thừa nhận bà có ký tên trong đơn đặt hàng số 18/ĐH/PN/2018 ngày 08/12/2018 của Công ty PN đặt mua của Công ty DB số lượng 585.000kg than, trị giá 701.415.000đồng. Đơn đặt hàng này là để hợp thức hóa giấy tờ thanh toán tiền Công ty PN mua than của Công ty DB trong năm 2018 và chấm dứt thời gian nhận hàng của đơn đặt hàng này là ngày 31/12/2018. Bà vẫn thực hiện việc điều phối hàng hóa trong năm 2019 như năm 2017 và năm 2018. Do bà không nhận được sự chỉ đạo của lãnh đạo Công ty PN về việc ngừng mua than của Công ty DB nên trong tháng 01 và tháng 02/2019 khi dưới kho báo hết than thì bà có liên lạc qua điện thoại, zalo, email với nhân viên của Công ty DB để giao than, Công ty DB cho nhận hàng thì bà điều xe, thông báo số xe, tên của tài xế vào kho của Công ty DB ở tỉnh Đồng Nai bốc chở than về Công ty PN. Nội dung tin nhắn chat zalo nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bà đã được tiếp cận



nhưng không nhớ chắc chắn nội dung và không xác định được có phải bà chat không vì thời gian đã lâu điện thoại của bà không còn lưu và không nhớ cụ thể. Về việc thuê xe chở than tại Công ty ĐB, bà chỉ liên hệ qua điện thoại cho người tên Mạnh (tên trên giấy tờ là Nguyễn Quốc Duy), là chủ xe biển kiểm soát 86C-070.72 và cũng là cò xe, bà không rõ địa chỉ ông Mạnh, đồng thời tài xế chở than cũng không phải tài xế của Công ty PN. Về các phiếu cân xe Công ty ĐB cung cấp bà không xác định được. Bà chỉ xác định trong tháng 01 và tháng 02 năm 2019, bà có liên hệ với bên đại diện Công ty ĐB để đặt hàng và thông báo tên tài xế, số xe phía Công ty PN cho vào chở than, tuy nhiên việc đặt hàng, số lượng than, tên tài xế và số xe như thế nào, ngày nào cụ thể của tháng 01 và tháng 02 năm 2019 thì bà không nhớ được. Tài xế chở than cũng có liên lạc với bà khi chở than nhưng do thời gian đã lâu và mỗi lần chở than có những tài xế và xe khác nhau nên bà không nhớ. Bà nhận thấy bà đã làm đúng trách nhiệm của nhân viên điều phối hàng hóa của Công ty PN.

2. Ông Huỳnh H trình bày: Ông là nhân viên của Công ty PN, từ khoảng tháng 6/2018 ông được giao tạm thời phụ trách việc mua bán hàng hóa của công ty. Ngày 08/12/2018, bà V nhân viên điều phối hàng có báo với ông là làm đơn đặt hàng mua của Công ty ĐB 585 tấn than với giá 701.415.000đồng, là để thanh toán cho số than Công ty PN đã nhận của Công ty ĐB từ đầu năm 2018 đến ngày 08/12/2018 và dự kiến sẽ lấy hết than trong tháng 12/2018 nên ông đã đồng ý và ký tên đơn đặt hàng số 18/ĐH/PN/2018 ngày 08/12/2018, số tiền này Công ty PN đã thanh toán đầy đủ cho Công ty ĐB vào ngày 12/12/2018. Việc theo dõi lấy than tại Công ty PN là do bà V chịu trách nhiệm, sau đó bà V báo cho ông biết số than theo đơn đặt hàng trên Công ty đã nhận hết trong năm 2018. Thời gian từ tháng 01/2019 đến tháng 02/2019, ông bị bệnh nên thường xuyên đi chữa bệnh, do đó ông không được phân công đặt mua hàng của Công ty thời gian này, cũng như ông không ký bất kỳ giấy tờ nào về việc mua bán, giao nhận than giữa Công ty ĐB và Công ty PN trong năm 2019. Ông không liên quan gì đến đơn kiện của Công ty ĐB.

3. Ông Đỗ Thanh Q trình bày: Thời điểm tháng 01 và tháng 02/2019, ông có làm việc tại Công ty PN, giữa ông với Công ty PN không ký kết hợp đồng lao động. Thời điểm đó, ông được phân công làm nhân viên nhận hàng làm việc tại bộ phận nhận hàng, việc phân công nhiệm vụ Công ty chỉ phân công bằng miệng chứ không có văn bản, quyết định gì. Đến nay, ông không nhớ trong tháng 01 và tháng 02/2019 Công ty PN có nhận mặt hàng là than không nên không biết thời điểm đó Công ty PN có nhận than của Công ty ĐB không. Trách nhiệm của ông như nhân viên bốc xếp, ông nhận hàng để dỡ hàng xuống, căn cứ phiếu cân xe, hoặc phiếu giao hàng ông xem số lượng trong phiếu để tính tiền bốc dỡ hàng xuống, sắp xếp xe để hàng ở đâu; còn sổ sách theo dõi việc nhận hàng là do bộ phận kế toán theo dõi không phải trách nhiệm của ông. Ông không có ký nhận bất cứ giấy tờ gì của Công ty PN. Khi nhận hàng, nếu tài xế nào giao hàng có yêu cầu xác nhận việc nhận hàng thì ông ký tên vào phiếu nhận hàng, còn không có yêu cầu xác nhận thì ông không ký. Trong tháng 01/2019 và tháng 02/2019 ông có ký tên vào phiếu nhận hàng nào không ông không nhớ. Việc mua hàng



do bên bộ phận vật tư chịu trách nhiệm. Ông không liên quan gì đến việc Công ty DB khởi kiện Công ty PN.

4. Ông Nguyễn Quốc H trình bày: Năm 2019, ông được ông Mạnh, ông không biết họ tên cụ thể của ông Mạnh, thuê làm phụ xe đi cùng tài xế vào kho Công ty DB ở tỉnh Đồng Nai chở than cho Công ty PN. Tuy nhiên, ông không nhớ rõ ngày tháng cụ thể và cũng không nhớ tên tài xế. Chữ ký ở phiếu cân xe số 117 ngày 03/01/2019, trọng lượng than 15,38 tấn là chữ ký của ông, xe 86C-070.72 theo ông biết là xe của ông Mạnh. Sau khi ký nhận than của Công ty DB thì ông đã đi cùng tài xế chở than về cho Công ty PN. Ông Mạnh có cho ông số điện thoại của bà V là người của Công ty PN để liên lạc giao than, ông có liên lạc với bà V qua điện thoại, bà V hướng dẫn việc đổ than tại kho của Công ty PN. Tuy nhiên, ông không biết bà V là ai, vì ông chưa gặp bà V lần nào và ông cũng không nhớ số điện thoại của bà V. Trước khi nhập hàng vào kho của Công ty PN thì có thủ kho của Công ty PN mà ông không biết họ tên đi cùng cho cân xe và hàng lại tại Công ty BM ở KCN Phan Thiết rồi xe mới chở than đến kho Công ty PN, sau khi giao hàng xong thì về cân xe lại tại Công ty BM để xác định trọng lượng xe. Khi giao than cho Công ty PN, ông có mang phiếu cân xe số 117 ngày 03/01/2019 của Công ty DB giao lại cho thủ kho của Công ty PN, tuy nhiên khi giao hàng và phiếu cân xe cho Công ty PN ông không ký nhận gì. Ông không có liên quan gì đến việc mua bán than giữa Công ty DB và Công ty PN vì thời điểm tháng 1/2019 ông chỉ là phụ xe chở hàng thuê và đã thực hiện xong nhiệm vụ của mình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H trình bày, trước đây ông Mạnh có thuê ông đi phụ xe chở than cho Công ty PN và Công ty QA là Chi nhánh của Công ty PN ở Bắc Bình, ông khẳng định lại chữ ký “Ng Quốc H...” trong phiếu cân xe 117 ngày 03/01/2019 là chữ ký của ông, tuy nhiên ông không nhớ rõ là sau khi nhận số than theo phiếu cân xe đó thì ông đã về giao cho Công ty PN hay Công ty Quốc Anh, vì thời gian đã lâu và trước đây ông cũng nhiều lần nhận than và giao than ở hai nơi nên ông không nhớ rõ; đồng thời, khi giao than ông không viết giấy giao nhận gì nên không có chứng cứ gì về việc giao than cho Công ty PN.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã quyết định:*

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 87; Điều 275 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 8 Điều 3; Điều 24; Điều 317; Điều 319 Luật thương mại;
- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
- Luật Thi hành án Dân sự;



*Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn Công ty Cổ phần đầu tư Khoáng sản - Than ĐB về yêu cầu Công ty Cổ phần In và Bao bì PN phải thanh toán nợ gốc và nợ lãi quá hạn của Hợp đồng kinh tế số 24/HĐBT 2018 ngày 02/01/2018 đối với các hóa đơn giá trị gia tăng phát sinh năm 2019 với tổng số tiền 1.037.152.281 đồng, trong đó gồm tiền gốc là 843.718.040 đồng; tiền lãi quá hạn tính từ ngày 15/02/2019 đến ngày 27/10/2020 là 193.434.241 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần đầu tư Khoáng sản - Than ĐB về buộc Công ty Cổ phần In và Bao bì PN phải thanh toán số tiền lãi của Hợp đồng kinh tế số 64/HĐBT 2017 ngày 03/10/2017 và thanh toán số tiền gốc và tiền lãi của các hóa đơn giá trị gia tăng phát sinh năm 2018 của Hợp đồng kinh tế số 24/HĐBT 2018 ngày 02/01/2018 theo biên bản đối chiếu công nợ giữa Công ty Cổ phần đầu tư Khoáng sản - Than ĐB và Công ty Cổ phần In và Bao bì PN ngày 31/12/2018 do Công ty Cổ phần đầu tư Khoáng sản - Than ĐB rút yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/11/2020, nguyên đơn Công ty ĐB kháng cáo bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền mua hàng còn nợ tổng cộng là 1.037.152.281 (trong đó tiền gốc là 843.718.040 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 15/02/2019 đến ngày 27/10/2020 là 193.434.241 đồng).

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**



[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Tường V, Nguyễn Quốc H, Huỳnh H, Đỗ Thanh Q đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự đều thống nhất thừa nhận: Vào ngày 03/10/2017, Công ty DB và Công ty PN ký Hợp đồng kinh tế về việc mua bán than số 64/HĐBT 2017 và ngày 02/01/2018 hai Công ty tiếp tục ký Hợp đồng kinh tế về việc mua bán than số 24/HĐBT 2018.

[2.2] Theo Công ty DB thì trong quá trình thực hiện hợp đồng số 24/HĐBT 2018, vào ngày 31/12/2018 đại diện của Công ty DB và đại diện Công ty PN đã lập biên bản đối chiếu công nợ xác nhận đến ngày 31/12/2018 Công ty PN còn nợ Công ty DB số tiền 73.199.360 đồng. Căn cứ đơn đặt hàng số 18/ĐH/PN/2018 ngày 08/12/2018 của Công ty PN đặt hàng mua của Công ty DB 585 tấn than, thành tiền 701.415.000 đồng nhưng do trong năm 2018 Công ty than DB chưa giao đủ hàng cho Công ty PN nên trong tháng 01 và tháng 02/2019 Công ty than DB tiếp tục xuất bán cho Công ty PN tổng cộng 589,540 tấn than, thành tiền 850.654.970 đồng, có giảm trừ 6.936.930 đồng, còn lại 843.718.040 đồng.

[2.3] Tuy nhiên, Công ty PN cho rằng: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 12/02/2020 và ngày 24/02/2020, Công ty PN đã chuyển khoản trả cho Công ty DB với tổng số tiền 146.438.103 đồng, gồm: tiền lãi của hợp đồng số 64/HĐBT 2017 mà bị đơn chấp nhận thanh toán với số tiền 17.827.092 đồng và thanh toán số tiền còn nợ của hợp đồng số 24/HĐBT 2018 tính tới 24/02/2020 với số tiền 128.611.011 đồng, trong đó gồm 73.199.360 đồng tiền gốc và 55.411.651 đồng tiền lãi. Như vậy, tính tới ngày 24/02/2020, bị đơn đã trả dứt các khoản nợ cho Công ty DB. Đối với đơn đặt hàng số 18/ĐH/PN/2018 ngày 08/12/2018 của Công ty PN đặt mua của Công ty DB số lượng 585 tấn than, thành tiền 701.415.000 đồng thì đến ngày 12/12/2018 Công ty PN đã làm ủy nhiệm chi thanh toán cho Công ty DB đủ số tiền 701.415.000 đồng tương ứng các đơn hàng trong năm 2018 và một số hàng sẽ lấy đến hết ngày 31/12/2018, đơn đặt hàng này cũng ghi rõ thời gian giao hàng chia thành nhiều đợt trong tháng 12/2018, như vậy đến ngày 31/12/2018 đơn đặt hàng này chấm dứt hiệu lực. Do đó, trong năm 2019, Công ty PN không còn mua hàng của Công ty DB nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Theo Tờ tự khai ngày 27/8/2019 của ông Lê Xuân T là Tổng giám đốc Công ty Cổ phần In và Bao bì PN (BL244,245):



*“Trong quá trình mua hàng tháng 11/2018, Công ty chúng tôi phát hiện than không đạt chất lượng, đã phản ánh qua điện thoại với người đại diện đặt hàng của Công ty Cổ phần đầu tư Khoáng sản – Than ĐB về tình hình chất lượng than ngày càng giảm chất lượng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình đốt nguyên liệu, cũng như vận hành máy. Tuy nhiên, đến cuối năm 2018 thì tình hình chất lượng vẫn không cải thiện, bên phía Công ty PN không muốn duy trì việc mua hàng, nhưng phía Công ty than ĐB hứa sẽ khắc phục chất lượng nếu kết quả kiểm tra khắc phục được thì hai bên sẽ tiến hành ký hợp đồng mua bán năm 2019.*

*Đầu năm 2019, bên phía Công ty ĐB chủ động cho than ra nhà máy Công ty Cổ phần In và Bao bì PN để thử nghiệm và vận hành lại nhưng tình hình chất lượng vẫn không cải thiện kéo dài đến 28/2/2019... ”.*

Theo ông Trần Hữu T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/01/2020 (BL252-255):

*“Ông Huỳnh H, Trưởng Bộ phận vật tư của Công ty than ĐB là người được giao trách nhiệm đặt hàng, mua bán than với Công ty than ĐB. Tôi đã hỏi ông Huỳnh H về việc đặt mua than của Công ty than ĐB trong năm 2019 thì ông Huỳnh H nói sau khi ông nhận chỉ đạo của lãnh đạo của Công ty bao bì PN tại cuộc họp về việc ngừng mua than của Công ty than ĐB nhưng do thời điểm đó trùng với lịch nghỉ Tết Nguyên đán 2019, ông H bệnh nên về quê ở Đà Nẵng nghỉ Tết và chữa bệnh nên quên không chỉ đạo cho cấp dưới trong đó có bà V về việc ngừng mua than của Công ty than ĐB. Tôi xác nhận năm 2019, bà V có điều phối xe vào Công ty than ĐB chở than nhưng về số lượng, thời gian, tài xế nào chở thì chúng tôi không biết được, ... ”.*

Lời khai này hoàn toàn phù hợp với lời khai của bà Phạm Thị Tường V là người được giao nhiệm vụ liên lạc đặt hàng cho Công ty PN; phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Quốc H là một trong những phụ xe tải vào kho của Công ty ĐB nhận hàng và ông Đỗ Thanh Q là nhân viên nhận hàng của Công ty PN.

[3.2] Như vậy, đủ cơ sở để khẳng định vào tháng 01 và 02 năm 2019, giữa Công ty ĐB và Công ty PN có giao, nhận than.

[3.3] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ có phải việc giao, nhận than này là trên cơ sở Hợp đồng kinh tế 24/HĐBT 2018 ngày 02/01/2018 và Đơn đặt hàng số 18/ĐH/PN/2018 ngày 08/12/2018 theo trình bày của phía nguyên đơn hay không.

[3.4] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xác minh, đối chất để làm rõ nội dung tin nhắn đặt hàng qua Zalo giữa bà Phạm Thị Tường V và nhân viên bên phía Công ty ĐB; chưa lấy lời khai đầy đủ các tài xế và phụ xe bên phía Công ty PN được điều vào nhận hàng tại Công ty ĐB, đặc biệt là ông Nguyễn Quốc D, là người mà theo bà V là chủ xe biển kiểm soát 86C-070.72, vừa là người mà bà V liên lạc để điều các xe vào nhận hàng, để làm rõ số lượng xe đã vào nhận hàng tại Công ty ĐB? nhận với số lượng bao nhiêu tấn? loại than gì?



Có phù hợp với các thông tin ghi trên phiếu cân xe do phía nguyên đơn hay không?

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên Hội đồng xét xử hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm về việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi quá hạn của Hợp đồng kinh tế số 24/HĐBT 2018 ngày 02/01/2018 đối với các hóa đơn giá trị gia tăng phát sinh năm 2019 với tổng số tiền 1.037.152.281, như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:* Khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết về việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Nguyên đơn Công ty Cổ phần đầu tư Khoáng sản – Than ĐB yêu cầu Công ty Cổ phần In và Bao bì PN phải thanh toán nợ gốc và nợ lãi quá hạn của Hợp đồng kinh tế số 24/HĐBT 2018 ngày 02/01/2018 đối với các hóa đơn giá trị gia tăng phát sinh năm 2019 với tổng số tiền 1.037.152.281 đồng; trong đó gồm tiền gốc là 843.718.040 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 15/02/2019 đến ngày 27/10/2020 là 193.434.241 đồng.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí:

- Nguyên đơn kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty Cổ phần đầu tư Khoáng sản – Than ĐB 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0008161 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.



- Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND TP P.Thiết;
- VKSND TP P.Thiết;
- Chi cục THADS TP P.Thiết;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Thái**